

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 22 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 1407/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 159/BC-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

##### 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

## **Điều 2. Phạm vi hỗ trợ**

Hỗ trợ các hoạt động để bảo vệ đất trồng lúa trên diện tích đất chuyên trồng lúa; đất trồng một vụ lúa nước trong năm; đất trồng lúa nương trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa; đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật chuyên ngành liên quan; phù hợp với định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành, trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì theo khối lượng, chi phí thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổng chi đảm bảo không vượt quá tổng nguồn thu từ kinh phí phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

3. Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (*kể cả các chương trình, dự án khác*), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách có lợi nhất.

## **Điều 4. Định mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa

a) Hỗ trợ giống lúa thuần, lúa lai chất lượng, lúa đặc sản để sản xuất (*theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh*). Mức hỗ trợ theo địa bàn như sau:

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí về giống đối với các địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền.

- Hỗ trợ một lần 70% chi phí về giống đối với các địa bàn còn lại.

b) Hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh kèm theo Nghị quyết số 63/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết 63/2022/NQ-HĐND*).

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn các giống lúa mới; hỗ trợ đào tạo tập huấn; hoạt động khuyến nông: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh kèm theo Nghị quyết số 63/2022/NQ-HĐND.

d) Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa gạo: Mức hỗ trợ áp dụng theo Điều 1 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa: Hỗ trợ 100% chi phí mua vôi bột, chế phẩm sinh học cải tạo đất, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón hữu cơ vi sinh theo dự án/phương án/dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần: Hỗ trợ 100% chi phí theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: Hỗ trợ 100% chi phí theo dự án/dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ**

1. Nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

2. Hằng năm, căn cứ nguồn kinh phí và nhu cầu hỗ trợ thực tế Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí theo quy định.

#### **Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi bảy thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Giàng Páo Mỹ**